

Số: 03 /2021/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 02 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 1**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính
phủ về quy định đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9
năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính
về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3
năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND-KTNS ngày 28 tháng 6 năm 2021 của
Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu giá quyền khai thác khoáng
sản; các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn
tỉnh Bình Phước và các cơ quan, đơn vị liên quan.



2. Mức thu phí

a) Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò:

STT	Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 1 tỷ đồng trở xuống	2.000.000
2	Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	4.000.000
3	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	6.000.000
4	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	8.000.000
5	Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10.000.000
6	Từ trên 100 tỷ đồng	12.000.000

b) Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

STT	Diện tích khu vực đấu giá	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	2.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	4.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	6.000.000
4	Từ trên 5 ha đến 10 ha	8.000.000
5	Từ trên 10 ha đến 50 ha	10.000.000
6	Từ trên 50 ha	12.000.000

3. Quản lý và sử dụng phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước. Đối với các nội dung chi phục vụ cho công tác thu phí sẽ được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.



Nghị quyết này bãi bỏ Điều 14 của Quy định mức thu, quản lý và sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 1 thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ TN và MT, Bộ TP (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *Phuon*



Huyền Thị Hằng

